

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA TỔ CHỨC DU LỊCH CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH AN GIANG

Nguyễn Quốc Nghi<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Bảo Châu<sup>1</sup> và Trần Ngọc Lành<sup>2</sup>

## ABSTRACT

*The study aims to identify factors that affect decision of community to participate in Community based Tourism (CBT) organizations in An Giang province. Data was collected from 135 households (80 households were participated and 55 household have not participated in CBT) in My Hoa Hung commune (Cho Moi district) and Chau Phong commune (Tan Chau district), An Giang province. The results of binary logistic regression model show that there are 5 factors affect decision to participate tourism organization of the community such as: education level, size of household, revenue household, social capital and traditional handicraft. The results also identified that size of household is the most important factor which affects the decision to participate in developing tourism of the community.*

**Keywords:** *Participate, tourism, community based tourism (CBT), community*

**Title:** *Factors affect decision to participate in community based tourism Organizations of community in An Giang Province*

## TÓM TẮT

*Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân ở tỉnh An Giang. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 135 hộ gia đình (80 hộ đã tham gia và 55 hộ chưa tham gia tổ chức du lịch cộng đồng) tại hai xã Mỹ Hòa Hưng (huyện Chợ Mới) và xã Châu Giang (Thị xã Tân Châu) tỉnh An Giang. Ứng dụng mô hình hồi quy binary logistic, nghiên cứu cho thấy, 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân là trình độ học vấn của chủ hộ, qui mô gia đình, thu nhập gia đình, vốn xã hội và nghề truyền thống. Trong đó, nhân tố qui mô gia đình tác động mạnh nhất đến quyết định tham gia phát triển du lịch của người dân.*

**Từ khóa:** *Tham gia, du lịch, du lịch cộng đồng, cộng đồng dân cư*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Với tiềm năng đa dạng, phong phú về tài nguyên du lịch, Việt Nam đã và đang trở thành điểm du lịch hấp dẫn ở khu vực và thế giới với nhiều loại hình du lịch hấp dẫn như: du lịch tham quan, du lịch văn hóa, du lịch “xanh”, du lịch MICE (Meeting Incentive Conference Event - du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo, triển lãm, sự kiện),... Trên thực tế, du lịch Việt Nam vẫn đang ở dạng tiềm năng, những lợi thế về du lịch chỉ được khai thác ở mức độ cơ bản. Vì thế, việc tận dụng triệt để lợi thế cạnh tranh về du lịch là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam.

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Sinh viên lớp QTKD Khóa 34, Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

Trong đó, việc nghiên cứu phát triển hình thức tổ chức du lịch cộng đồng là một trong những giải pháp cho “bài toán” phát huy hiệu quả các nguồn tài nguyên du lịch. Trong thời gian gần đây, hình thức tổ chức du lịch cộng đồng đã được nhiều địa phương nghiên cứu và phát triển, bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực cho ngành du lịch nói chung và cộng đồng tham gia du lịch nói riêng. Tại đồng bằng sông Cửu Long, một số tỉnh có hình thức tổ chức du lịch cộng đồng phát triển mạnh như An Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang. Trong đó, An Giang là địa phương đi đầu trong việc khai thác các nguồn tài nguyên du lịch gắn kết với cộng đồng trong phát triển du lịch. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, hình thức tổ chức du lịch này vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, điều này đã dẫn đến khả năng tham gia của cộng đồng vào sự phát triển du lịch còn nhiều hạn chế. Đây là yếu tố quan trọng cần tháo gỡ kịp thời để hình thức tổ chức du lịch này phát huy hiệu quả tích cực đối với cộng đồng. Từ thực trạng này, nghiên cứu “*Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân ở tỉnh An Giang*” là rất cấp thiết để thực hiện.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Mô hình nghiên cứu

Cộng đồng là một nhóm người thường sinh sống trên cùng khu vực địa lý, tự xác định mình cùng một nhóm. Những người trong cùng cộng đồng thường có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân và có thể thuộc cùng một nhóm tôn giáo, một tầng lớp chính trị (Keith và Ary, 1998). Du lịch cộng đồng là hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích có được từ du lịch sẽ được đọng lại nền kinh tế địa phương. (Nicole Hausler and Wolfgang Stradas, 2000). Du lịch cộng đồng là phương thức tổ chức du lịch đề cao về môi trường, văn hóa xã hội. Du lịch cộng đồng do cộng đồng sở hữu và quản lý, vì cộng đồng và cho phép khách du lịch nâng cao nhận thức và học hỏi về cộng đồng, về cuộc sống đời thường của họ (Responsible Ecological Social Tour, Thailand, 1997).

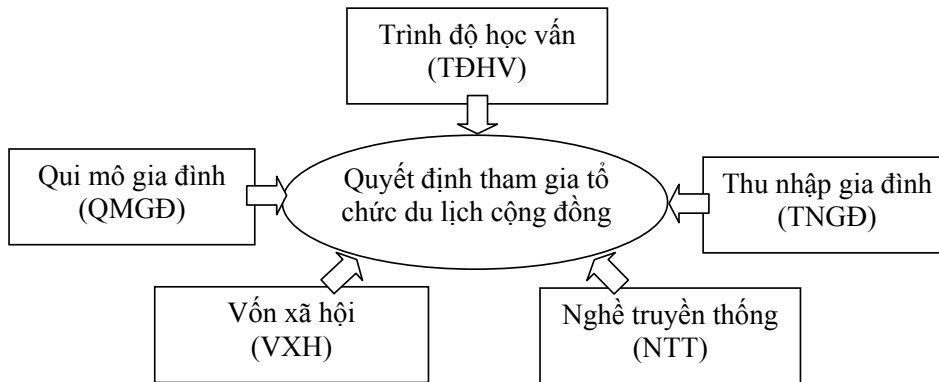
Theo Tosun (2006), Kalsom (2009) khả năng tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch là điều kiện rất quan trọng trong việc xây dựng và phát triển các loại hình du lịch. Các nghiên cứu của Bandit (2009), Bramwell & Sharman (2000), Liu (2006), Kalsom (2009), Kan (2009), Kang (2008), Tosun (2006) và Michael (1985) đã chỉ ra các yếu tố quyết định mức độ sẵn lòng tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch là: sự hỗ trợ, đóng góp của chính quyền địa phương trong việc phát triển du lịch, đặc điểm của hộ gia đình (qui mô gia đình, ngành nghề tạo thu nhập, nghề truyền thống...), kinh tế gia đình (việc làm, thu nhập...), vốn xã hội (tổ chức quản lý cộng đồng, mối quan hệ xã hội, tham gia hội đoàn thể...), và các yếu tố thuộc về chủ hộ (trình độ học vấn, tuổi tác, địa vị xã hội, uy tín...).

Dựa vào các tài liệu nghiên cứu đã lược khảo và kết quả buổi thảo luận nhóm (7 hộ tham gia và 4 hộ không tham gia tổ chức du lịch cộng đồng) tại ấp Phũm Soài, xã Châu Phong vào tháng 8 năm 2011, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình hồi qui

binary logictis để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân ở tỉnh An Giang như sau:

$$Y = B_0 + B_1TĐHV + B_2QMGD + B_3TNGĐ + B_4VXH + B_5NTT$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc và các biến TĐHV, QMGĐ, TNGĐ, VXH, NTT là các biến độc lập (biến giải thích).



Sơ đồ 1: Mô hình nghiên cứu

Bảng 1: Diễn giải các biến trong mô hình nghiên cứu

Ký hiệu	Diễn giải	Kỳ vọng
Y	Quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Nhận giá trị 1 nếu hộ tham gia và 0 nếu hộ không tham gia.	
TĐHV	Trình độ học vấn của chủ hộ. Nhận giá trị tương ứng với số năm đến trường của chủ hộ. (năm)	+
QMGD	Qui mô gia đình, nhận giá trị tương ứng với số thành viên trong hộ gia đình. (người)	+
TNGĐ	Thu nhập/tháng của hộ gia đình. (ngàn đồng)	+
VXH	Hộ gia đình có người thân hoặc có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương hoặc công ty du lịch. Nhận giá trị 1 nếu có và giá trị 0 nếu ngược lại.	+
NTT	Nghề truyền thống của gia đình. Nhận giá trị 1 nếu gia đình có nghề truyền thống và 0 nếu ngược lại.	+

Giải thích chi tiết kỳ vọng của các biến:

TĐHV: Là trình độ học vấn của chủ hộ và được đo lường bằng số năm đến trường chủ hộ. Biến này được kỳ vọng là có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Dựa vào lược khảo tài liệu và kết quả thảo luận nhóm cho thấy, khi trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì hộ sẽ dễ dàng nắm bắt, tiếp thu các chính sách hỗ trợ cũng như là nắm bắt cơ hội kinh doanh, thông tin thị trường từ đó khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng sẽ tốt hơn.

QMGD: Là qui mô gia đình, nhận giá trị tương ứng với số thành viên trong hộ gia đình. Biến này được kỳ vọng là có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Thông qua lược khảo tài liệu và kết quả thảo luận nhóm, việc tham gia tổ chức du lịch cộng đồng đòi hỏi hộ gia đình cần phải có

nguồn nhân lực nhất định, vì thế những hộ gia đình có nhiều nhân khẩu thường có khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng cao hơn.

**TNGĐ:** Là thu nhập/tháng của hộ gia đình. Biến này cũng được kỳ vọng là có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Dựa vào các nghiên cứu trước đây và kết quả thảo luận nhóm, việc tham gia tổ chức du lịch cộng đồng đòi hỏi hộ gia đình phải có nguồn tài lực nhất định, nguồn tài lực của hộ gia đình được thể hiện gián tiếp thông qua thu nhập của hộ gia đình vì thế khi thu nhập của hộ gia đình càng cao thì khả năng tham gia tổ chức du lịch của hộ gia đình càng nhiều.

**VXH:** Là mối quan hệ xã hội của hộ gia đình. Tương tự, biến này được kỳ vọng là có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Vì thực tế, những hộ gia đình có mối quan hệ tốt đối với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và công ty du lịch thì khả năng tham gia tổ chức hoạt động du lịch sẽ tốt hơn các hộ không có mối quan hệ này.

**NTT:** Là nghề truyền thống của hộ gia đình. Biến này cũng được kỳ vọng là có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng. Thông qua lược khảo tài liệu và kết quả thảo luận nhóm, các hộ gia đình có ngành nghề truyền thống sẽ được công ty du lịch và chính quyền địa phương ưu tiên hỗ trợ để tham gia phát triển du lịch cộng đồng vì thế khả năng tham gia tổ chức du lịch sẽ cao hơn.

**2.2 Phương pháp thu thập số liệu**

Nghiên cứu này sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên theo các tiêu chí phân loại như: tham gia tổ chức du lịch, hình thức tham gia, đặc điểm hộ gia đình. Cuộc khảo sát được tiến hành trong khoảng thời gian từ 09/2011 đến 10/2011 với cỡ mẫu được chọn là 135 hộ gia đình (80 đã tham gia và 55 hộ chưa tham gia tổ chức du lịch cộng đồng) tại hai xã Mỹ Hòa Hưng (huyện Chợ Mới) và xã Châu Phong (Thị xã Tân Châu), đây là hai địa bàn nổi tiếng về phát triển du lịch cộng đồng của tỉnh An Giang.

**3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**3.1 Thực trạng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

**Lý do tham gia:** Theo kết quả khảo sát, có nhiều lý do để người dân tham gia tổ chức du lịch cộng đồng, đầu tiên phải kể đến là tạo thêm thu nhập cho gia đình (87,5%), kế đến là làm theo phong trào của địa phương (40,0%), phù hợp với nghề nghiệp của gia đình (31,3%), nâng cao trình độ (25,0%) và một số lý do khác.

**Bảng 2: Lý do tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

Lý do tham gia	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
Nâng cao thu nhập	87,5	1
Theo phong trào của địa phương	40,0	2
Phù hợp với nghề nghiệp của gia đình	31,3	3
Nâng cao trình độ	25,5	4

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

**Thời gian tham gia:** Hoạt động tổ chức du lịch cộng đồng ở tỉnh An Giang đã hình thành cách đây khá lâu (khoảng 8 năm). Tuy nhiên, số hộ tham gia tổ chức du lịch cộng đồng lúc ban đầu rất ít (6,3%). Những năm gần đây, do ngành du lịch ngày càng phát triển nên số hộ tham gia tổ chức du lịch cộng đồng ngày càng nhiều, cụ thể dưới 4 năm chiếm 75,0%, từ 4 đến 8 năm chiếm 18,7%.

**Bảng 3: Thời gian tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

Thời gian tham gia	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
Dưới 4 năm	75,0	1
Từ 5 đến 8 năm	18,7	2
Trên 8 năm	6,3	3

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

**Hoạt động tham gia:** Kết quả điều tra cho thấy, hầu hết các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch chủ yếu là cung cấp quà lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ (57,5%), cung cấp dịch vụ lưu trú (37,5%) và dịch vụ ăn uống (31,3%). Điều này chứng tỏ hoạt động du lịch ở đây chủ yếu là phù hợp với nghề nghiệp truyền thống của địa phương và loại hình du lịch homestay. Bên cạnh đó, người dân cũng tham gia các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống (11,3%), bán hàng rong tại chợ nổi (10,0%), cho thuê tàu du lịch (8,8%) và hướng dẫn viên du lịch (6,3%).

**Bảng 4: Các hoạt động của hộ gia đình trong tổ chức du lịch cộng đồng**

Hoạt động	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
Cung cấp quà lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ	57,5	1
Cung cấp dịch vụ lưu trú	37,5	2
Cung cấp dịch vụ ăn uống	31,3	3
Hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống	11,3	4
Hoạt động bán hàng rong tại chợ nổi	11,0	5
Hoạt động cho thuê tàu du lịch	8,8	6
Hoạt động hướng dẫn viên du lịch	6,3	7

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

**Điều kiện tham gia:** Điều kiện để người dân được tham gia tổ chức du lịch cộng đồng phụ thuộc nhiều vào bốn yếu tố, đó là: nghề truyền thống gia đình, đặc điểm căn hộ đang ở, cơ sở vật chất trong căn hộ và mối quan hệ xã hội. Điều này là phù hợp vì ngành du lịch đặc thù là đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và thư giãn. Các công ty du lịch phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt cơ bản và an ninh cho du khách. Bên cạnh đó, hộ gia đình tham gia hình thức tổ chức du lịch cộng đồng còn phải đáp ứng về trình độ văn hóa và khả năng thông tin.

**Bảng 5: Mức độ quan trọng về điều kiện tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

Điều kiện tham gia	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch
Nghề truyền thống gia đình	1	5	3,88	1,062
Đặc điểm căn hộ đang ở	2	5	3,77	0,837
Cơ sở vật chất trong căn hộ	2	5	3,71	0,861
Mối quan hệ xã hội	1	5	3,69	0,930
Trình độ văn hóa và khả năng thông tin	1	5	3,03	0,875

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

*Ghi chú: 1=Rất không quan trọng tăng dần đến 5 = Rất quan trọng*

**Lợi ích khi tham gia:** Theo số liệu khảo sát, có đến 90,0% số hộ cho rằng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng sẽ giúp tạo thêm thu nhập, cải thiện đời sống; 57,5% số hộ nhận định tham gia du lịch sẽ tạo thêm công ăn việc làm lao động của hộ. Còn lại là một số lợi ích khác như: nhận được sự ưu đãi của chính quyền địa phương (26,3%), được tham gia tập huấn kiến thức về du lịch (12,5%), nâng cao kiến thức (12,5%).

**Bảng 6: Lợi ích khi tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

Lợi ích tham gia	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
Nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống	90,0	1
Tạo thêm công ăn việc làm	57,5	2
Được sự ưu đãi của chính quyền địa phương	26,3	3
Được tham gia tập huấn kiến thức về du lịch	12,5	4
Nâng cao kiến thức	12,5	5

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

**Chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương:** Đối với các hộ tham gia tổ chức du lịch cộng đồng, chính quyền địa phương có nhiều chính sách hỗ trợ như: Cho vay vốn để khôi phục ngành nghề truyền thống hoặc cải thiện nhà ở để phục vụ cho khách du lịch (47,5%). Mở lớp tập huấn kiến thức về du lịch, hướng dẫn cho người dân những kiến thức cơ bản về giao tiếp với khách, tâm lý của khách du lịch, cách chế biến món ăn (37,5%). Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng có những chính sách hỗ trợ quảng bá du lịch, cải thiện cơ sở hạ tầng khu vực phát triển du lịch cộng đồng (22,5%).

**Bảng 7: Chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương**

Chính sách hỗ trợ	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
Cho vay vốn để phát triển du lịch	47,5	1
Mở lớp tập huấn kiến thức về du lịch	37,5	2
Quảng bá hình ảnh du lịch và cải thiện cơ sở hạ tầng khu vực phát triển du lịch cộng đồng	22,5	3

*Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2011*

**Mối quan hệ với công ty lữ hành:** Mối quan hệ giữa công ty lữ hành với cộng đồng tham gia hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch chủ yếu là hợp tác và chia sẻ lợi nhuận (57,5% và 43,8%). Không có ban quản lý, các công ty lữ hành sẽ ký hợp đồng trực tiếp với người dân và phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận giữa các bên tham gia. Về phía công ty cũng ít có chương trình tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cộng đồng tham gia (11,3%). Còn lại một số hộ gia đình tham gia tự phát, không liên kết với các đơn vị lữ hành (13,8%), thường là những hộ kinh doanh hàng lưu niệm.

**3.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng**

Sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để hỗ trợ phân tích hồi qui binary logistic từ mô hình nghiên cứu được thiết lập như trên, kết quả như sau: (1) Kiểm định giả thuyết về mức độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa Sig. = 0,00 < 5%, nghĩa là có tồn tại mối quan hệ tuyến tính giữa các biến độc lập trong mô hình với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng; (2) Giá trị - 2 Log likelihood = 22,352 thể hiện mức độ phù hợp của mô hình tổng thể; (3) Mức độ dự báo chính xác của mô

hình là 97,8%. Với các kết quả này có thể nhận thấy, mô hình hồi qui binary logistic được thiết lập là phù hợp.

**Bảng 8: Kết quả phân tích hồi quy binary logistic**

Biến độc lập		Hệ số (B)	Mức ý nghĩa
Hằng số		-17,601	0,003
Trình độ học vấn	TĐHV ***	0,843	0,070
Qui mô gia đình	QMGĐ **	2,472	0,048
Thu nhập gia đình	TNGĐ ***	1,550	0,059
Vốn xã hội	VXH **	1,292	0,024
Nghề truyền thống	NTT ***	0,948	0,096
Hệ số Sig. mô hình			0,000
-2 Log likelihood			22,352
Hệ số Nagelkerke R Square			93,700
Tỷ lệ dự báo chính xác của mô hình (%)			97,800

*Nguồn: Kết quả phân tích hồi qui từ số liệu điều tra, năm 2011*

*Ghi chú: \*\*\* có ý nghĩa ở mức 10%, \*\* có ý nghĩa ở mức 5%*

Theo kết quả phân tích hồi quy binary logistic cho thấy, trong 5 biến độc lập đưa vào mô hình thì tất cả 5 biến đều có ý nghĩa về mặt thống kê từ 5% đến 10%. Giải thích chi tiết tác động của từng biến độc lập như sau:

**Biến TĐHV:** Biến này có mối tương quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng ở mức ý nghĩa 10%, đúng với kỳ vọng ban đầu của nhóm nghiên cứu. Điều này cho thấy, khi trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của hộ càng nhiều. Thực tế cho thấy, những chủ hộ có trình độ học vấn cao sẽ dễ tiếp cận các chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như là sự nhạy bén nắm bắt thông tin thị trường, cơ hội kinh doanh. Đồng thời, những chủ hộ có học vấn cao hơn sẽ nhận thức tốt hơn về lợi ích mà du lịch cộng đồng mang lại từ đó khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng sẽ tốt hơn.

**Biến QMGĐ:** Biến này cũng quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng ở mức ý nghĩa 5%. Hay nói cách khác, những hộ gia đình có nhiều nhân khẩu thì khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng càng cao. Khảo sát thực tế cho thấy, để tham gia tổ chức du lịch cộng đồng đòi hỏi hộ gia đình phải có nguồn nhân lực nhất định để tham gia vào các hoạt động phục vụ cho du khách, vì thế những hộ gia đình có nhiều nhân khẩu thường có khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng cao hơn, điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu của nhóm nghiên cứu.

**Biến TNGĐ:** Theo kết quả phân tích, biến này quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng với ý nghĩa ở mức 10%. Điều này có nghĩa là những hộ gia đình có thu nhập/tháng càng cao thì khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng càng nhiều. Dựa vào thực tế khảo sát cho thấy, phần lớn những hộ tham gia tổ chức du lịch cộng đồng đều có mức thu nhập ổn định và khá cao, đảm bảo được nguồn tài lực để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu của du khách và công ty du lịch.

Biến VXH: Biến này quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng với ý nghĩa ở mức 5%. Hay nói cách khác, những hộ gia đình có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, công ty du lịch sẽ có khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng nhiều hơn. Thực tế cho thấy, những hộ gia đình có mối quan hệ xã hội tốt thì khả năng nắm bắt các thông tin, chính sách hỗ trợ, các cơ hội kinh doanh và cơ hội hợp tác chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch sẽ tốt hơn, từ đó dẫn đến khả năng tham gia tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng cao hơn, điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu của nhóm nghiên cứu.

Biến NTT: Kết quả phân tích cho thấy biến này quan thuận với quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng với ý nghĩa ở mức 10%, đúng kỳ vọng ban đầu của nhóm nghiên cứu. Điều này cho thấy, những hộ gia đình có ngành truyền thống sẽ có khả năng tham gia tổ chức du lịch cộng đồng nhiều hơn. Khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, những hộ gia đình có ngành nghề truyền thống sẽ có điều kiện thuận lợi hơn khi tham gia tổ chức du lịch vì được công ty du lịch và chính quyền địa phương ưu tiên hỗ trợ. Hơn nữa, phần lớn các du khách đến đây đều mong muốn được tham gia vào các hoạt động nghề truyền thống nên các hộ gia đình có nghề truyền thống rất có ưu thế trong việc hợp tác với công ty du lịch.

#### 4 KẾT LUẬN

Thông qua ứng dụng mô hình hồi qui binary logictis, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân ở tỉnh An Giang là trình độ học vấn của chủ hộ, qui mô gia đình, thu nhập gia đình, vốn xã hội và nghề truyền thống. Trong đó, nhân tố qui mô gia đình tác động mạnh nhất lên quyết định tham gia tổ chức du lịch của người dân. Kết quả nghiên cứu là tài liệu khoa học hữu hiệu cho các cơ quan quản lý du lịch, các công ty lữ hành có thể vận dụng trong việc xây dựng kế hoạch phát triển hình thức tổ chức du lịch cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống người dân, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bandit Santikul (2009), "Community Based Tourism Development at the East Coast of Phuket Island", thesis, Faculty of Hospitality and Tourism Management Prince of Songkla University.
- Bùi Thanh Hương, Nguyễn Đức Hoa Cương (2007). "Nghiên cứu các mô hình du lịch cộng đồng Việt Nam", Dự án tổ chức phát triển du lịch Hà Lan, Trường Đại học Hà Nội.
- Bramwell, B. and Sharman, A, (2000), "Approaches to sustainable tourism planning and community participation: the case of the Hope Valley", in Richards, G. and Hall, D. (ed.) *Tourism and Sustainable Community Development*. London: Routledge, pp.17-35.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), "Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS", NXB Thống kê.
- Kalsom, K, (2009), "Community Based Tourism in Developing countries", Proceeding of International Seminar on Community Based Tourism.
- Kan Set Aung (2009), "Community Based Tourism Development in Myanmar Heritage Site: A Case Study of Bagan", thesis, Faculty of Hospitality and Tourism Management Prince of Songkla University.



- Kang Santran (2008), "Community participation for sustainable tourism in heritage site: the case of Angkor, Siem Reap Province, Cambodia", thesis, Faculty of Hospitality and Tourism Management Prince of Songkla University.
- Knop, Edward C. & Steward R. (1973), "Community Satisfaction: Conceptual and Methodological Problems", Paper presented at Rocky Mountain Social Science Association annual meeting, Laramie, Wyoming.
- Liu, A. (2006), "Tourism in rural areas: Kedah, Malaysia", *Tourism Management*, Volume 27, Issue 5, pp. 878-889.
- Nguyễn Quốc Nghi, Võ Phạm Tân, Trần Thị Kim Trang, (2009), Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, số 12-2009, trang 26-28.
- Tosun C, (2006), "Expected Nature of Community Participation in Tourism Development", *Tourism Management*, Volume 27, Issue 3, pp. 493-504.
- Trần Thị Mai (2005), "Du lịch cộng đồng – Du lịch sinh thái, định nghĩa, đặc trưng và các quan điểm phát triển", NXB Đại học Huế.
- Võ Quế (2006), "Du lịch cộng đồng - lý thuyết và vận dụng", NXB Khoa học Kỹ thuật.
- White, M. J. (1985). Determinants of community satisfaction in Middletown. *American Journal of Community Psychology*, 13, pp. 579-593.